TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số 04 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2021
V/v " Ly hôn,tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thơm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.
2. Ông Đinh Xuân Đầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn S, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện S.
Địa chỉ: 169 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt).

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Mỹ H. Cán bộ Công tác xã hội tại UBND huyện Sơn hà. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn S trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị T tự tìm hiểu khoảng 2 năm, sau đó đăng ký kết hôn ngày17 tháng 12 năm 2013, tại Uỷ ban nhân dân thị trấn DL, huyện S, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2021, thì phát sinh mâu thuẩn do không thống nhất trong việc làm nhà, chị T tự ý bỏ đi không biết nguyên nhân. anh có liên lạc yêu cầu chị Tvề trao đổi, cùng nhau xây dựng gia đình, nhưng chị không đồng ý. Tuy nhiên, sau thời gian bỏ đi trên 10 ngày, chị về lại nhưng vợ chồng bất đồng quan điểm, nhiều lúc cải vả, xúc phạm nhau. Mặc dù chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải và bản thân anh đã cố hàn gắng lại tình cảm với chị T nhưng hòa giải không thành, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẩn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài đời sống chung, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Đinh Thị T.

- Về con chung**:** Vợ chồng có một con chung là Đinh Thị Bích L, sinh ngày 24/2/2014. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung gồm:

+ Một thửa đất rẫy diện tích 02 ha, trồng keo được 02 năm tuổi, tọa lạc tại Suối Ếch, TDP N, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất 20 triệu đồng, keo lấy gỗ trị giá 20 triệu đồng do vợ chồng anh khai hoang, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Một diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha trồng keo được 03 năm tuổi, tọa lạc tại Suối Ế, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất 15 triệu đồng, keo trị giá 15 triệu đồng, do vợ chồng khai hoang chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RXS trị giá 10 triệu đồng, hiện anh đang quản lý, sử dụng, anh xin nhận sử dụng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 30 triệu đồng, đang gửi nhà mẹ chị T và 01 tủ áo bằng gỗ trị giá 4 triệu đồng, giao cho chị T sử dụng. Tiền mặt 415 triệu đồng, hiện nay chị T đang giữ số tiền này, anh yêu cầu chia cho anh 150.000.000 đ, chia cho chị T 265.000.000đ.

-Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện S số tiền 50 triệu đồng. Hiện chưa trả cả gốc và lãi và nợ vật liệu Hiếu Nguyên 66 triệu đồng đến nay chưa trả.

Nếu ly hôn, anh yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Đinh Thị T trình bày:

+Về hôn nhân: Chị thống nhất như anh Đinh Văn S trình bày, chị và anh S kết hôn ngày17 tháng 12 năm 2013, tại Uỷ ban nhân dân thị trấn DL, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, một phần vợ chồng thường ghen tuông, không nói chuyện với nhau, đỉnh điểm trong giai đoạn chuẩn bị làm nhà, hai bên không thống nhất về việc sữa lại nhà, anh S thường hăm dọa và có lần đánh đập, nên chị có lấy số tiền chuẩn bị làm nhà bỏ đi một thời gian khoảng trên 10 ngày. Sau đó chị về lại gặp anh S trình bày lý do bỏ đi, nhưng anh S không đồng ý, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, phần ai nấy biết, không quan tâm đến nhau. Nay anh S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, chị không đồng ý, vì anh S không chịu trả các khoản nợ chung.

Về con chung: Chị thống nhất như anh S trình bày, vợ chồng có một con chung, tên Đinh Thị Bích L sinh ngày 24/2/2014. Nếu ly hôn, chị nhận thấy mình đủ điều kiện kinh tế và chăm sóc nên xin nhận nuôi con, yêu cầu S cấp dưỡng mỗi tháng 1 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung gồm có:

+Hai thửa đất rẫy trồng keo, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại Suối Ế, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất và keo là 50.000.000đồng.

+ Một đám rẫy tại đồi Gu tọa lạc tại TDP NN, thị trấn DL, huyện S, đang trồng mì khoảng 04 tháng trị giá 40.000.000đồng. chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+Một thửa đất rẫy trồng keo khoảng 05 tháng, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất và keo là 28.000.000đồng.

+Một thửa đất rẫy trồng keo, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá là 17.000.000đồng

+Một thửa đất rẫy trồng keo, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất và keo là 14.000.000đồng

+Một thửa đất rẫy trồng keo, do anh Đinh Văn L thế chấp cho vợ chồng đã trồng 4.500 cây keo trị giá là 15.000.000đồng.

+Một thửa đất rẫy trồng keo, trồng khoảng 7 nghìn cây keo do ông Đinh Văn X để lại tọa lạc tại tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S,trị giá keo 20.000.000đồng. Chị yêu cầu chia đôi tài sản trên.

+01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RXS trị giá 14 triệu đồng, hiện anh đang quản lý, sử dụng; 01 nhà bếp trị giá 35.000.000đồng; 01 ti vi hiệu sam sung trị giá 8.000.000đồng. 01 bộ bàn ghế bằng gỗ dỗi trị giá 30 triệu đồng; 01 tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6 triệu đồng,Chị đồng ý giao cho anh S sử dụng; 01 bàn gỗ trị giá 15.000.000đồng. chị xin nhận sử dụng; hai con bò trị giá 15.000.000đồng. Chị yêu cầu không chia mà giao cho con Đinh Thị Bích L.

+ Tiền mặt 415 triệu đồng, chị xác nhận giữ số tiền này nhưng sau khi về lại nhà bị anh Soan đánh đập và lấy của chị 365.000.000đồng, chị còn giữ 50.000.000đồng. Chị yêu cầu chia đôi số tiền này mỗi người ½.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện S số tiền 50 triệu đồng, hiện chưa trả cả gốc lẫn lãi và nợ vật liệu H 66 triệu đồng, đến nay chưa trả. Nếu ly hôn, chị yêu cầu anh S có trách nhiệm trả số nợ chung này.

3.*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 đại diện Ngân hàng chính sách xã hội, ông Lê Thanh T trình bày: Ngày 26/4/2020 vợ chồng anh S chị T có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50 triệu đồng mục đích trồng keo, theo chương trình hộ mới thoát nghèo, hạn trả nợ 26/4/2021, hiện này anh Soan chị trai còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 50 triệu đồng và lãi là 67.808đ yêu cầu anh S chị T trả dứt điểm số nợ trên cho ngân hàng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S có ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phát biểu phân tích các nội dung trên và viện dẫn theo quy định Điều luật quy định, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh S được ly hôn chị T.

+Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Bích L, sinh ngày 24/2/2014 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu) cho đến khi con đủ 18 tuổi;

+.Về tài sản chung: Chị T phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch trong chia tài sản chung cho anh S tổng cộng là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

+ Về nợ chung: Anh S, chị T mỗi người phải trả Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện S 50.067.808 đồng (Trong đó tiền gốc 50.000.000đồng; tiền lãi 67.808đ). Mỗi người phải trả ½ số nợ trên là 25.000.000đ tiền gốc và 39.904đ tiền lãi.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về chia tài sản chung, là hai thửa đất rẫy diện tích 02 ha, trồng keo được 02 năm tuổi và diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha trồng keo được 03 năm tuổi, đều tọa lạc tại Suối Ê, tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S,

Về án phí: Anh S, chị T được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tai phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" bị đơn là chị Đinh Thị T, sinh năm 1986 có nơi cư trú tại tại TDP NN, thị trấn DL, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S.

[2] Về hôn nhân: Anh Đinh Văn S và chị Đinh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày17 tháng 12 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn DL, huyện S. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Anh S với chị T sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến tháng 5/2021 trong cuộc sống có những bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, đôi lúc ghen tuông do nghi ngờ tình cảm giành cho nhau, đỉnh điểm là thời gian chuẩn bị làm lại nhà, hai bên không thống nhất, chị T bỏ nhà đi một thời gian có giữ tiền làm nhà, nhưng không nói rõ lý do cho anh S biết. Sau khi chị T về lại nhà trình bày việc chị bỏ nhà đi nhưng anh S không đồng ý, từ đó hai bên thường cải vả, xúc phạm nhau, có lúc xô xát. Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2021 Thôn trưởng Tổ dân phố NN xác nhận về hôn nhân anh S chị Tcó nội dung: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thôn đã tổ chức hòa giải ba lần nhưng không thành, lời khai của anh S trong quá trình tham gia tố tụng là đúng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được, có thể thấy sau khi chị T bỏ đi về lại nhà tháng 5 năm 2021 dẫn đến cải vả, xúc phạm, xô xát từ đó hai bên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị T, theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là Đinh Thị Bích L sinh ngày 24/2/2014, trước khi mở phiên tòa anh S và chị T thống nhất giao cháu Đinh Thị Bích L cho chị trại trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T có thu nhập và nơi cư trú ổn định, có nhân thân tốt nên đủ điều kiện để trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Việc giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do vậy, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 110, Điều 115, Điều 116 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh, chị trình bày về tài sản chung không thống nhất, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2021 anh S, chị T thỏa thuận về giá trị tài sản và thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Một thửa đất rẫy diện tích 02 ha, trồng keo được 02 năm tuổi, tọa lạc tại Suối Ế, tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất 20 triệu đồng, keo lấy gỗ trị giá 20 triệu đồng do vợ chồng anh khai hoang, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Một diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha trồng keo được 03 năm tuổi, tọa lạc tại Suối Ế, tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S, trị giá đất 15 triệu đồng, keo trị giá 15 triệu đồng, do vợ chồng khai hoang chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RXS trị giá 10 triệu đồng, hiện anh đang quản lý, sử dụng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20 triệu đồng, đang gửi nhà mẹ chị Trai; 01 tủ áo bằng gỗ trị giá 4 triệu đồng, để tại nhà của vợ chồng.

- Tiền mặt 415 triệu đồng, hiện nay chị T đang giữ số tiền này anh S yêu cầu chia cho anh 150.000.000đ, chia cho chị T 265.000.000đ.

Trước khi mở phiên tòa, ngày 19/9/2021 anh S có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với hai thửa đất rẫy trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của anh S là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu về chia tài sản chung, theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với tài sản còn lại, anh chị thống nhất chia:

- Giao cho anh S sử dụng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 76-M1 15700, trị giá 10.000.000đ.

- Giao chi chị T sử dụng 01 bộ bàn ghế Sa-lon gỗ dỗi, trị giá 30 triệu đồng, 01 tủ quần áo bằng gỗ, trị giá 4.000.000đồng. Tổng cộng 44 triệu đồng, chia đôi mỗi người ½ giá trị là 22 triệu đồng, Như vậy, chị T trả tiền chênh lệch cho anh S là 12.000.000đồng.

- Đối với số tiền 415 triệu đồng: Trong đơn khởi kiện anh S yêu cầu chia số tiền 415 triệu đồng chị T đang giữ, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận mình là người giữ số tiền 415 triệu đồng, nhưng sau khi bỏ nhà đi, chị về lại nhà, chị cho rằng bị anh S đánh đập và lấy đi số tiền 365 triệu đồng, chị còn giữ 50 triệu đồng. Tòa án có Thông báo yêu cầu chị cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền 365 triệu đồng bị anh S chiếm giữ, nhưng chị không chứng minh được. Do đó, việc chị thừa nhận giữ số tiền 415 triệu đồng, mà anh S đưa ra yêu cầu chia trong tài sản chung, là có cơ sở khẳng định số tiền 415 triệu đồng chị đang giữ, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, chị phải có trách nhiệm trả cho anh S ½ số tiền này là 275 triệu đồng. Nhưng tại biên bản hòa giải anh S đồng ý giao cho chị T 265 triệu đồng, nên chị T phải trả cho anh S số tiền là 150.000.000đ, cộng với trả số

tiền chênh lệch 12.000.000đồng nêu trên. Tổng cộng chị T phải trả cho anh S là 162.000.000 đồng(Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Về nợ chung:Vợ chồng có nợ Ngân hàng sách xã hội chi nhánh huyện S 50 triệu đồng tiền gốc và 67.808đ đồng tiền lãi. Anh, chị mỗi người trả ½ số nợ trên là 25.000.000đ tiền gốc và 39.904đ tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện S.

Đối với tiền nợ cửa hàng vật liệu xây dựng H là 66 triệu đồng, tại biên bản hòa giải anh chị thừa nhận, chỉ nợ cửa hàng vật liệu xây dựng H 19 triệu đồng, nhưng ông H có đơn đề nghị không giải quyết trong vụ án này, mà sẽ khởi kiện một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng anh S tự nguyện chịu, đã nộp xong.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Đinh Văn S và chị Đinh Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án

[7] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh S,Chị T chị được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đinh Văn S được ly hôn chị Đinh Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Bích L, sinh ngày 24/2/2014 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu) cho đến khi con đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở .

3.Về tài sản chung: Giao anh S sử dụng một (01)chiếc xe mô-tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 76-M1 15700, trị giá 10.000.000đ.

- Giao chị T sử dụng 01 bộ bàn ghế Sa lon gỗ dỗi, trị giá 30 triệu đồng và 01 tủ quần áo bằng gỗ, trị giá 4.000.000đồng. Tổng cộng 44 triệu đồng, chia đôi mỗi người ½ giá trị là 22 triệu đồng.

- Chị T phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch trong chia tài sản chung cho anh S tổng cộng là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Về nợ chung: Anh S, chị T phải trả Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Sơn Hà 50.067.808 đồng(Trong đó tiền gốc 50.000.000đồng; tiền lãi 67.808đ). Mỗi người phải trả ½ số nợ trên là 25.000.000đ tiền gốc và 39.904đ tiền lãi.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về chia tài sản chung, là hai thửa đất rẫy diện tích 02 ha, trồng keo được 02 năm tuổi và diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha trồng keo được 03 năm tuổi, đều tọa lạc tại Suối Ế, tại N, TDP NN, thị trấn DL, huyện S.

4.Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Đinh Văn S và chị Đinh Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án

5.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)anh Soan tự nguyện chịu, đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**